TRƯỜNG TIỂU HỌC ..... *Thứ ..... ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

Họ và tên: .....

Lớp: 3 .....

PHIẾU ÔN TẬP HỌC KÌ I
MÔN TOÁN – KHỐI 3
PHIẾU SỐ 18

Thời gian làm bài: 30 phút

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM *(Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng)*

Câu 1. Số «năm trăm mười bốn» viết là:

A. 514 **B.** 5014 **C.** 541 **D.** 415

Câu 2. Giá trị của biểu thức (39 − 11) : 7 là:

A. 28 **B.** 5 **C.** 3 **D.** 4

Câu 3. Số lớn là 72, số bé là 9. Hỏi số lớn gấp mấy lần số bé?

A. 81 lần **B.** 8 lần **C.** 63 lần **D.** 9 lần

Câu 4. Một phần tám (1/8) của 40 kg là:

A. 5 kg **B.** 320 kg **C.** 7 kg **D.** 32 kg

Câu 5. Số thích hợp điền vào chỗ chấm: 9 cm 5 mm = …… mm

A. 95 **B.** 14 **C.** 59 **D.** 905

Câu 6. Hình tròn có bán kính 9 cm. Đường kính của hình tròn đó là:

A. 18 cm **B.** 9 cm **C.** 11 cm **D.** 36 cm

PHẦN 2. TỰ LUẬN *(Học sinh trình bày lời giải)*

Bài 1. Tìm số thích hợp điền vào chỗ chấm:

a) …… × 3 = 18

b) …… : 3 = 19

c) …… − 433 = 446

d) 24 : …… = 3

Bài 2. Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a) 24 + 4 × 2 = 56	
b) Hình tròn bán kính 5 cm thì đường kính là 7 cm	
c) 76 : 9 = 8 (dư 4)	
d) 2 m = 20 cm	

Bài 3. Điền dấu >, <, = vào chỗ chấm:

a) 8 × 9 …… 71

b) 1 m …… 100 cm

c) 3 m 4 cm …… 294 cm

d) 1/4 của 24 …… 1/6 của 24

Bài 4. Tính:

a) 532 g + 307 g = …… g

b) 565 ml − 236 ml = …… ml

c) 146 mm × 2 = …… mm

d) 217 kg : 7 = …… kg

Bài 5. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Hình tròn có bán kính 7 cm thì đường kính là …… cm.

b) Hình tròn có đường kính 8 dm thì bán kính là …… dm.

c) M là trung điểm của đoạn thẳng AB dài 8 mm. Đoạn MB dài …… mm.

Bài 6. Một sợi dây dài 16 m được cắt thành 2 đoạn bằng nhau. Hỏi mỗi đoạn dài bao nhiêu mét?

a) Trả lời: Mỗi đoạn dài …… m

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phiếu ôn tập học kì I Toán lớp 3 · Phiếu số 18

Phần 1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	A	D	B	A	A	A

Phần 2. Tự luận

Bài 1.

a) 18 : 3 = 6

b) 19 × 3 = 57

c) 446 + 433 = 879

d) 24 : 3 = 8

Bài 2.

a) S; b) S; c) Đ; d) S

Bài 3.

a) 8 × 9 = 72 nên điền dấu «>»

b) 1 m = 100 cm nên điền dấu «=»

c) 3 m 4 cm = 304 cm nên điền dấu «>»

d) 1/4 của 24 là 6; 1/6 của 24 là 4 nên điền dấu «>»

Bài 4.

a) 839 g

b) 329 ml

c) 292 mm

d) 31 kg

Bài 5.

a) 7 × 2 = 14 (cm)

b) 8 : 2 = 4 (dm)

c) 8 : 2 = 4 (mm)

Bài 6.

16 : 2 = 8 (m)